

KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT SỐ DIỆU TÔNG SAO

Sa-môn Tứ Minh, Tri Lễ đời Tống giảng

QUYỂN 4

Từ khóc lóc v.v... trở đi là tỉnh thức, khoa nói là tỉnh Pháp, tức là Pháp thức. Thế tôn trở đi, là nhân tỉnh liền đến. Về phân khoa thì Thắng man là phu nhân Thắng man, tức con gái của vua Ba-tư-nặc ở nước Xá-vệ cũng là con của phu nhân Mạt-lợi, là phi của vua nước Du-xà. Sau cha mẹ viết thư bảo rằng:

Phật từ nước ta mà ra thân thông tự tại khắp lợi ích chúng sinh.

Thắng man cầm thư nói kệ với sứ giả khen rằng:

Như lai diệu sắc thân, thế gian không ai sánh ...

Nay Vy-đê-hy buồn rầu tỉnh thì Phật liền đến. Việc này giống nhau nên nói chẳng khác.

Trong khoảng chưa ngược đầu lên. Lúc đó Thế tôn ở núi Kỳ-xà-quật biết ý nghĩ của Vy-đê-hy, liền sai Đại Mục-kiền-liên và A-nan từ trên hư không mà đến. Đức Phật ở núi Kỳ-xà-quật ẩn mắt mà hiện ra ở cung vua. Lúc đó Vy-đê-hy lễ xong ngược đầu lên thì thấy Thế tôn Thích-ca Mâu-ni Phật thân sắc vàng ròng ngồi trên hoa sen trăm báu. Mục-liên đứng hầu bên trái, A-nan đứng hầu bên phải. Các trời Thích Phạm hộ thế ở trên hư không rải hoa trời như mưa khắp để cúng dường Đức Phật.

Biết Vi-đê v.v... trở đi, là tùy giải thích. Tâm Như lai vắng lặng mà thường chiếu. Vô số hà sa thế giới chúng sinh, có bao nhiêu tâm thì đều biết đều thấy không đồng với bậc Tiên thánh phải tác ý mới biết. Tha tâm và thân như ý thông đều là Vô ký thông. Từ hỏi trước v.v... trở đi, là giải mở trí ngại, tức là ra khỏi trí ngại, vấn nạn này lại đặt ra. Hỏi chẳng khác trước, đáp là chẳng đồng trước, hoặc là diệt cái xấu nay ghét Phật, hoặc là sinh cái tốt hành pháp sau này. Vì sao? Vì nếu Phật vào chỗ ở của Tần-bà thì khiến vua A-xà-thế cho Phật là bạn của cha

muốn mưu đồ lấy lại nước mà oán thù thêm nặng, sau này Pháp chẳng được lưu hành, cho nên chẳng tự đến. Còn mẹ thì không có việc này cho nên Phật tự đến. Lúc đó Vi-đề v.v... trở đi, là sắc thân. Ngồi hoa sen v.v... trở đi là tòa ngồi. Mục-liên trở đi là quyến thuộc. Khấp mưa trở đi là rải hoa như mưa.

Buồn thương thỉnh pháp là phân khoa nay hướng về Thế tôn v.v... trở đi là nói thỉnh nhân vãng sinh, tức trong hai ý thì ý thứ hai là thỉnh bày nhân sinh Tịnh độ. Kinh chép: “Cúi mong Phật nhật (mặt trời Phật) dạy con quán chỗ thanh tịnh.” Trước nói cúng dường thưa hỏi nhân vãng sinh, tức là ý thứ nhất. Hỏi thuở xưa con gây ra tội gì mà đời này bị con là A-xà-thế ác nghịch. Nên biết hai thứ này lời đồng mà ý khác.

Khi Vy-đề-hy thấy Đức Phật Thế tôn liền bứt bỏ chuỗi anh lạc, gieo mình xuống đất, gào khóc hướng về Đức Phật bạch rằng:

Bạch Đức Thế tôn, con đời trước có tội gì mà sinh ra đũa con ác này. Thế tôn có nhân duyên gì mà làm quyến thuộc với Đề-bà-đạt-đa. Cúi mong Thế tôn vì con nói rộng chỗ không có lo buồn con sẽ sinh về. Con không ham cõi Diêm-phù vẫn đục này nữa. Chỗ vẫn đục này địa ngục, ma quỷ, súc sinh đầy đầy, có nhiều bất thiện. Nguyên con đời sau không nghe tiếng ác, không thấy người ác. Nay con hướng về Thế tôn vốc thể sát đất cầu xin sám hối. Cúi mong Đức Phật dạy con quán chỗ nghiệp thanh tịnh.

Từ con có v.v... trở đi, là cúng dường thưa hỏi nhân vãng sinh. Kinh nói tự bứt bỏ chuỗi anh lạc gieo mình xuống đất, gào khóc hướng về Đức Phật, tức là ba nghiệp cúng dường. Dứt bỏ chuỗi anh lạc gieo mình xuống đất là thân, gào khóc là miệng, đem hai thứ để hiển bày ý nhân của Xà-thế đã nói lược như trước. Số này chi nêu duyên của Điều-đạt. Vẫn đục v.v... trở đi là chánh hỏi chỗ sinh. Nay hướng v.v... trở đi là thưa thỉnh nhân vãng sinh.

Về Chánh thuyết được phân là phẩm khoa huyền giải có hai: Một là khoa làm ba đoạn; hai, Như lai v.v... trở đi, là giải văn một.

Từ trước phóng trở đi, là trùng khoa giải thích rộng có phân khoa chung riêng. Đáp chỗ sinh trước là trước Vy-đề-hy thỉnh rằng:

“Cúi mong vì con nói rộng chỗ không có buồn não.” Nay Phật phát ra ánh sáng chiếu soi Tịnh độ ấy khiến thấy là đáp lại lời thỉnh trước.

Đáp: Tịnh nghiệp là trước thỉnh rằng: “Cúi xin dạy con quán chỗ nghiệp thanh tịnh”. Nay bày ba thứ tịnh nghiệp, mười sáu Diệu quán tức là dạy bà quán chỗ tịnh nghiệp, gần thì đáp... là vì Vy-đề-hy đáp chỗ

sinh, nhờ ánh sáng mà thấy cõi, bèn lại thỉnh rằng:

Dạy con suy nghĩ; dạy con Chánh thọ. Đây là ở Chánh tông nên nói đáp gần, nếu đáp chỗ thỉnh trong lời tựa thì gọi là đáp xa.

Bấy giờ Đức Thế tôn phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày. Ánh sáng ấy sắc vàng chiếu khắp vô lượng thế giới ở mười phương. Rồi trở về đỉnh Đức Phật hóa thành đài vàng cao như núi Tu-di. Các Tịnh diệu cõi nước của Chư Phật mười phương đều hiện rõ trong đó. Hoặc có cõi nước bảy báu hợp thành, lại có cõi nước thuần là hoa sen, lại có cõi nước như cung trời Tự tại, lại có cõi nước như gương pha lê. Cõi nước Mười phương đều hiện rõ trong đó. Có vô lượng các cõi nước Chư Phật như thế, sáng rõ dễ nhìn, khiến Vy-đề-hy đều thấy rõ. Khi ấy Vy-đề-hy bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn các Cõi Phật này tuy rất thanh tịnh, đều có ánh sáng. Nhưng nay con thích sinh về thế giới Cực lạc của Phật A-di-đà. Cúi mong Đức Thế tôn dạy con suy nghĩ, dạy con Chánh thọ.

Từ mỉm cười trở đi, là đáp tịnh nghiệp trước có chia khoa chung riêng. Trước nói nghiệp và phàm phu v.v... là nói ba thứ phước này là viên trợ đạo, hợp với chánh quán đều là hạnh của Như lai. Cho nên nói là Chánh nhân tịnh nghiệp của Chư Phật ba đời. Nhưng vì ba thứ có chung có cục bộ. Trước là hiếu dưỡng... là chung cả Đại Tiểu và bậc địa phàm phu. Cho nên nói nghiệp đầu chung cho phàm phu. Kế là quy giới v.v... chỉ chung cả Đại Tiểu mà không có phàm phu. Vì thế nói kế là chung Nhị thừa. Nếu tâm Bồ-đề v.v... chuyên ở Đại thừa mà chẳng chung cho phàm phu, cho nên nói là pháp Bất cộng.

Khi ấy đức Thế tôn liền mỉm cười, có tia sáng năm màu từ miệng Phật phát ra. Mỗi tia sáng chiếu vào đỉnh đầu vua Tần-bà-ta-la. Lúc đó tuy vua đang bị giam nhốt nhưng tâm nhãn không bị chướng ngại, xa thấy Thế tôn mà cúi đầu kính lễ tự nhiên tăng tiến thành quả A-na-hàm.

Vì sao trở đi là giải thích theo khoa, nghĩa là tịnh nghiệp là đáp suy nghĩ, tức là chánh nói tịnh nghiệp, là ánh sáng chiếu Tần-bà-đạo, giải thích mỉm cười, có hai: Một là hỏi; hai là đáp. Giải có trở đi là đáp phát ra ánh sáng, pháp quán được quả là Vô sinh pháp nhãn, là viên ba quán mà tập quả. Mỉm cười v.v... trở đi, là đáp mỉm cười. Báo của nghiệp ác hại mạng cột thân, mà vì được quả và duyên tịnh nghiệp. Tâm Như lai hiểu rõ nhân quả thiện ác giao nhau ngàn thứ sai khác. Muốn nói lên nội tâm nên mỉm cười. A-na-hàm trở đi là giải thích A-na-hàm.

Bấy giờ Đức Thế tôn bảo Vy-đề-hy rằng:

Nay Người biết chẳng, Phật A-di-đà cách đây không xa. Người nên hộ niệm để quán nước ấy thì tịnh nghiệp sẽ thành. Nay Ta vì người nói rộng các thí dụ, cũng khiến đời vị lai tất cả phàm phu, ai muốn tu tịnh nghiệp, đều được sinh về cõi nước Cực lạc ở Tây phương.

Cách đây trở đi, là nêu quả mà khuyên tu nhân. Hỏi: Đại bản, Tiểu bản đều nói: “Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi. Cõi tức là cả một Đại Thiên cho nên nói hà sa, sao nói chẳng xa. Giải rằng trở đi, là đáp do nhờ sức Phật nên khiến người tu quán muốn thấy liền thấy. Cho nên nói văn này, người nên hộ niệm quán kỹ nước ấy. Cho nên biết sức Phật che chở người muốn thấy, khiến quán thành thấy. Văn sau nói: Tất cả chúng sinh quán thế giới Cực lạc ở Tây phương, vì nhờ sức Phật nên sẽ được thấy cõi nước thanh tịnh ấy. Cho nên Bát chu thấy Phật mà luận ba sức: Một là oai sức Phật; hai là sức tam-muội; ba là sức vốn công đức của người tu. Trong ánh sáng hiện ra cõi nước, tức là mắt thấy. Hai việc thấy đều do cảm ứng. Tuy xa mà gần. Nhưng nếu tâm tánh không đủ trần sát, thì Phật không có lý ứng hiện mà chúng sinh cũng không có công phu để cảm thấy. Cho nên kinh này nói tâm ấy là Phật. Quán mê ý này thì không phải Diệt tông.

Muốn sinh về nước ấy, phải tu ba thứ phước: Một là hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng, từ tâm không giết hại, tu mười nghiệp thiện; hai là Thọ trì Ba quy y, đầy đủ các giới chẳng phạm oai nghi; ba là phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn người tu. Ba việc như thế gọi là tịnh nghiệp. Phật bảo Vy-đề-hy rằng:

Nay Người nên biết, ba nghiệp này chính là chánh nhân tịnh nghiệp của Chư Phật ba đời quá khứ vị lai hiện tại.

Thứ nhất v.v... trở đi chính là bày nhân vãng sinh gồm nghiệp chung của phàm phu. Kinh này chánh bị cho Cơ Đốn Tu. Tuy tu hạnh Phật, nhưng cha mẹ sư trưởng há chẳng hiếu dưỡng kính thờ. Luân vương mười giới há chẳng chỉ hạnh. Chỉ hay tu tâm mỗi việc điều xứng tánh, có ngại gì tu thiện từ hiếu chung cho cả phàm phu. Nghiệp chung cho Nhị thừa, là hạnh Viên đốn há trái với Tiểu thừa xuất gia. Ba quy y, các giới, vai nghi các việc chỉ là tâm thọ trì hợp với một thể, y vào rốt ráo mà pháp ra làm chung cho cả Nhị thừa. Trở đi là nghiệp bất cộng của Đại thừa, y vào cảnh vô tác mà khởi thế vô duyên, gọi là phát tâm Bồ-đề, thật tướng không hay mà hay, lập nhân quả khác hai mà chẳng hai, thỉ chung một lý. Tin nhân quả này mới gọi là tin sâu. Đọc tụng Đại thừa, tu ba trí giải, vân hạnh viên thừa, đem giải hạnh giáo này mà làm

thì gọi là khuyến tấn. Ba thứ nghiệp này, được nghiệp trước thì trước, không được nghiệp sau thì sau. Được sau thì sẽ được trước. Cho nên người sau có thể tu được hai nghiệp trước, mà hai nghiệp trước chẳng thể tu được Đại thừa, cho nên hai thứ kia không bằng, là nói Đại thừa. Phật bảo trở đi, là kết khen. Đã là nghiệp Phật thì nghiêm là viên tu, cho nên trong đại kinh nói lại có một hạnh gọi là hạnh Như lai. Tuy nói một hạnh mà đủ cả năm hạnh. Nay cũng thế, tuy là nghiệp Phật mà đủ cả ba thứ.

Phật bảo A-nan và Vy-đề-hy rằng: “Hãy lắng nghe lắng nghe và khéo nghĩ nhớ. Nay Như lai vì tất cả chúng sinh đời vị lai bị giặc phiền não hại mà nói nghiệp thanh tịnh. Lành thay Vy-đề-hy, vui thay hỏi việc này.

Lắng nghe trở đi là khen câu hỏi. Lắng nghe là các kinh khuyên nghe đều dùng lời này, đều khiến người sinh ba tuệ. Mà cần xét giáo nói tuệ Thiên viên, năng thích, sở thích, năng tư, sở tư, năng niệm, sở niệm nếu giải thích theo sinh diệt thì tức là ba tạng ba tuệ của, nếu theo vô sinh mà giải thích thì là ba tuệ của thông giáo. Vô lượng vô tác biệt viên có thể biết. Nay khiến Vy-đề-hy sinh viên ba tuệ. Nếu chẳng phải thế thì làm sao có thể trong hội này mà chứng Pháp nhãn.

Này A-nan ông nên thọ trì rộng vì số chúng đông đảo mà giảng nói lời Phật. Nay Như lai dạy Vy-đề-hy và tất cả chúng sinh đời vị lai quán thế giới Cực lạc ở Tây phương, nhờ sức Phật sẽ được thấy cõi nước thanh tịnh ấy. Như cầm gương sáng tự thấy mặt mà hình ảnh. Thấy sự cực kỳ diệu lạc ở cõi nước ấy mà tâm vui mừng, tức thời liền được Vô sinh pháp nhãn.

Liền được trở đi, là lược dặn dò A-nan. Kinh nói như cầm gương sáng, là pháp quán như gương, tu như cầm. Quán thành thì cõi nước hiện, như thấy mặt mà hình ảnh. Thế thì biết bên ngoài có ba thứ tịnh nghiệp, bên trong có mười sáu diệu quán, bèn được thấy. Đây tuy lược nêu tịnh nghiệp nhưng ý nói Diệu quán. Sơ trụ Sơ địa, là Viên trụ biệt địa đều phá vô minh, là vị Vô sinh nhãn. Vị Huyền Một Thật nói: “Nếu vào Sơ Trụ, chánh phá vô minh là nói vị Vô sinh nhãn của viên giáo”. Nay ý ở Viên, dẫn kinh Nhân Vương nói năm thứ Nhãn vị, là dùng để hiển Vô sinh ở ba nhãn trên. Nếu y vào Biệt giáo thì Thập tín phục nhãn, Thập trụ tín nhãn, Thập hạnh thuận nhãn, Thập địa vô sinh nhãn, Diệu giác vắng lặng nhãn. Nếu y cứ theo viên vị thì năm phẩm phục nhãn sáu căn thanh tịnh, Tín thuận hai nhãn. Sơ trụ đến Đẳng giác gọi là Vô sinh nhãn. Diệu giác gọi là Vắng lặng nhãn. Nhưng Biệt sơ địa tức là Viên

sơ trụ. Cho nên dẫn kinh Nhân vương để chứng cho vị này. Người tu nên biết Như lai sắp nói mười sáu pháp quán, dự bày chỗ nói là quán viên Diệu. Cho nên nói tất cả chúng sinh quán Cực lạc. Quán thành thì liền được Vô sinh pháp nhẫn. Cho nên Vy-đề-hy nghe nói mười sáu, theo lời mà quán thành. Nói xong liền chứng diệu vị này, kinh bày quán này là lấy môn đường tắt Sơ trụ, cho nên không thể nói tướng sự.

Trước nói v.v... trở đi là nói mười sáu diệu quán để đáp Chánh thọ. Về phân khoa thì Phật bảo Vy-đề-hy rằng: “Người là phàm phu, tâm tướng yếu kém, chưa được thiên nhãn, không thể quán xa. Chư Phật Như lai có phương tiện lạ giúp người thấy được.”

Người là trở đi là tùy giải thích, tức là nói lý do Vi-đề thấy cõi nước. Kinh nói chưa được Thiên nhãn.

Hỏi: A-na-luật có Thiên nhãn tối thắng mà chỉ thấy một Đại thiên, há có được Thiên nhãn vượt mười muôn ức cõi mà thấy An Dưỡng ư?

Đáp: Đây là nói thiên nhãn của Bồ tát chưa được phần chân chẳng phải Nhị thừa. Cho nên Đại kinh quyển 22 chép: Bồ-tát có được Thiên nhãn thanh tịnh khác với chỗ được của Thanh văn Duyên giác. Vì chỗ khác này mà cùng lúc thấy khắp thế giới mười phương hiện tại của Chư Phật. Đại Luận cũng đồng với thuyết này. Vi-đề Thật Đại Bồ-tát đây là nói Vi-đề vốn trụ ở Pháp thân, vì muốn phát khởi pháp quán Tịnh độ nên hiện giống đồng phàm phu. Hội này liền được vô sinh nhẫn tức giả phương tướng? Hội này nghe quán sắp chứng Pháp nhẫn, không phải văn trước nói Vô sinh nhẫn là Vy-đề-hy chứng. Văn trước là nói chung chúng sinh vị lai tu mười sáu pháp quán, có thể chứng vô sinh. Người thấy thị hiện giống kẻ phàm phu, liền bảo văn trước là Vy-đề-hy chứng. Nên biết liền được không phải là mình được. Đã nói thật là Đại Bồ-tát tức là đã chứng vô sinh từ lâu. Như lai y cứ theo tích nói là phàm phu tâm tướng yếu kém. Phàm phu tướng kém mà tu được nhẫn là nói Diệu quán này có thể đổi hạ phàm sớm thành Viên thánh, phương tiện lạ, là mười sáu pháp quán, phương tiện kỳ lạ nhất. Cho nên Luận Khởi Tín chép: Tu-đa-la nói có thắng phương tiện (phương tiện cao quý) là hệ niệm Cực lạc khiến sinh nước ấy. Không phải quán thắng gọi là phương tiện, ấy là y Chánh có hai phương tiện có công năng giúp cho phàm phu thấy cõi này: Một là tu quán Chánh Thọ, phương tiện khiến tâm Nhãn thấy; hai là Phật dùng thần lực thị hiện phương tiện khiến mắt được thấy. Lý do thấy có hai thứ, cho nên nói không phải quán thắng gọi là phương tiện. Oai lực của Phật khiến thấy cũng là phương tiện. Vy-đề-hy liền thấy được hai thứ: Một là sắp có theo văn thực hành quán mà thấy,

hai là mong nhờ sức Phật thị hiện cho thấy, nên nói Vi-đề lý do thấy được cõi nước.

Khi ấy Vy-đề-hy bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn! Như nay con nhờ sức Phật mà thấy được cõi nước ấy. Nếu khi Phật diệt độ rồi, các chúng sinh trước bất thiện, năm khổ ép ngặt làm sao thấy được thế giới Cực lạc của Phật A-di-đà?

Vi-đề trở đi là vì vị lai mà thỉnh pháp thấy được cõi nước. Vy-đề-hy trước hiểu thị hiện phương tiện mà thỉnh cầu lý do. Khế Kinh nói: Như nay con vì nhờ sức Phật mà thấy nước ấy. Nhưng lại chánh thỉnh pháp quán phương tiện là vì chúng sinh mà thỉnh duyên. Cho nên kinh nói: “Nếu Phật diệt độ rồi, các chúng sinh bị vẫn đục bất thiện, năm khổ ép ngặt làm sao thấy được thế giới Cực lạc.” Năm khổ thì Số có hai nghĩa giải thích: Một là dùng năm đường không vui mà giải thích; hai là dùng năm tội chiêu báo mà giải thích. Giải thích một là Địa ngục bị khổ thiêu đốt, ngạ quỷ bị khổ đói khát, súc sinh bị khổ giết hại. Cõi người có tám khổ, cõi trời có năm khổ suy. Giải thích hai là ý Phật bao gồm nói năm ác với hai báo. Tên Đại bản Sát Tỳ Vô Lượng Thọ kinh, nay nói là Đại kinh. Văn sơ trước nêu tên ba, năm. Kế năm ác trở đi là nêu năm, ba. Từ sát sinh đến uống rượu là năm nhân ác. Như Đại kinh trở đi là giải thích năm thống tức là Hoa báo. Năm thiêu trở đi là giải thích, năm thiêu tức là quả báo. Nhưng hai báo này đều không có năm tướng, mỗi thứ gọi là năm đều từ năm nhân ác mà lập. Cho nên sau năm văn kia đều kết rằng ấy là một Đại ác, một thống, một thiêu. Vì thế gọi chung là năm Đại ác, năm thống, năm thiêu. Cho nên biết hai cái năm đều từ nhân mà lập.

Về phần nêu quán phân khoa, tức là nêu quán. Nghĩa lệ rằng: Phàm ba quán nghĩa chỉ là ba thứ: Một là theo hạnh, chỉ ở muôn cảnh mà quán một tâm. Muôn cảnh tuy khác nhưng diệu quán lý..., như quán ấm..., tức là ý ấy; hai là y cứ pháp tướng, như văn y cứ bốn đế năm hạnh vào tâm một niệm xem là Viên quán; ba là Thác sự, như Vương xá Kỳ-xà, tên từ sự mà lập, mượn sự để thực hành quán từ đó mà dẫn dắt chấp tình.

Hỏi: Mười sáu pháp quán đối với ba thứ thì thuộc nghĩa nào?

Đáp: Đã không nắm được pháp tướng nhân tâm thành quán, tin không phải là giao phó pháp cho. Lại chẳng mượn sự kia mà lập cảnh lập quán, nghiệm chẳng phải là gá sự mà nói. Như lai nói thẳng môn tu chứng của mười sáu quán hạnh chính là từ hạnh.

Hỏi: Nghĩa lệ ở ba thứ đều là lý quán. Nay mười sáu quán này trải

sự y chánh, đâu dự vào ba thứ được?

Đáp: Gá sự, trao pháp hai thứ ba quán đều có sự có lý. Lại bỏ mà chưa luận. Từ hạnh ba quán vì nghĩa nào mà chẳng được thuộc sự. Đã nói từ hạnh thì từ bốn thứ hạnh, thường ngồi là thứ đầu quán thẳng và lý, ba thứ kia là tam-muội đâu chẳng gồm sự. Như ba quán Bát Chu là trải qua sự niệm Phật, ba quán Phương đẳng là trải qua sự trì chú, Pháp Hoa ba quán là trải qua tụng kinh, Quán Âm ba quán là trải qua Sổ tức, Giác ý ba quán là trải qua ba tánh. Đây đều là trải qua sự. Nếu không phải từ hạnh thì thuộc về cái gì. Tam-muội Bát Chu trước quán tướng bánh xe ngàn cãm dưới chân, kế quán duyên ngược đến tướng ntuệ kế. Khi quán tướng ấy tức dùng ba quán đó là từ hạnh, nay sao riêng không phải. Huống chi nghĩa lệ nói rằng chỉ ở muôn cảnh mà quán một tâm. Há nay y chánh chẳng chỉ một tâm. Văn kinh nêu đủ mười sáu cảnh tướng. Đại sư chỉ ở đầu đề mà bày viên ba quán, khiến dùng quán này quán mười sáu cảnh tuy khác mà diệu quán lý như nhau. Lại ba quán này đều trải qua các sự. Nếu Ba quán không phải từ hạnh bằng nhau thì sao nói ba quán nghĩa chỉ ba thứ.

Hỏi: Kinh này chỉ ở tượng quán mà nói tâm ấy thành Phật, tâm ấy là Phật. Các văn đều không nói về quán lý, thì biết ngoài Đức Phật ra đều là sự quán. Dẫu đem nghĩa này mà so với mười lăm pháp quán, thì đây là dùng ý để quán lý, cứ theo kinh hiện văn thì đây chỉ là sự quán.

Đáp: Nếu tự y theo kinh mà tu quán nhập chứng, đâu cần nương bốn thứ mà chỉ nói ý kinh, chế lập pháp quán. Đại sư hiểu sâu được ý chỉ của Đức Phật nên ở đầu đề, dùng ba quán diệu mà giải thích quán năng quán, dùng diệu ba thân mà giải thích Phật sở quán, mà nói là quán tuy mười sáu nhưng nói Phật đều khắp. Nay y theo Đại sư dùng ba diệu quán mà quán mười sáu cảnh, há là người tu dụng quán ý. Nên biết bốn thứ tam-muội đều là ở sự mà quán ba đế lý. Chỉ có Bát Chu v.v... Y Định Tan Thiện Sự, giác ý tưng nhậm các việc thiện ác. Cho nên riêng được tiếng là trải sự. Nếu thường ngồi..., ngay ở sự ba đạo mà quán ba Đế, chẳng gồm tu thiện và tưng ác sự cho nên chịu tiếng là lý. Pháp quán của kinh này đâu thể khác với bốn thứ tam-muội ư? Cho nên biết mười sáu tức là từ hạnh trải sự quán lý. Nên biết mười sáu pháp này đều dùng ba quán làm Pháp tướng tướng. Ba quán yếu ớt, lại quán mặt trời lặn và nước trong. Ba quán dần được, bèn quán đất, cây, tòa, tượng, thân Phật. Sau bỏ các cảnh mà tu ba quán. Ở mười trở đi là phân khoa, chia mười sáu thành ba loại. Sáu thứ thuộc y báo, là mặt trời nêu cách đưa tướng. Bể giá là biểu thị cho đất lưu ly. Tuy vật ở cõi này

mà ý nói ở cõi kia. Cho nên sáu quán đều là y báo ở đó... bảy quán kế thuộc Chánh báo. Tòa là nơi ba Thánh ngồi, tượng là giống hình ba bậc Thánh. Cho nên bảy quán đều gọi là Chánh báo. Ba nhóm người từ cõi này với cõi ấy tu nhân thác chất, sự tướng chẳng đồng. Cho nên xếp ba thứ này vào một loại.

Thứ nhất trở đi là tùy khoa mà giải thích, tức là sáu quán quán y báo, trước là quán mặt trời, ở đây có lập ý phân khoa. Trước nói quán mặt trời có ý khiến cột vào tâm. Phàm tâm tối tăm tán loạn đâu thể thấy rõ cảnh mâu Tịnh độ, cho nên khiến chuyên tưởng hình mặt trời lặn. Một sự chuyên tâm tưởng mãi không thôi, thì tâm ấy sẽ định. Nếu Tâm đã tinh tế thì các thứ pháp quán đều có thể tạo tu. Pháp cột chặt tâm mà cần mặt trời lặn là muốn khiến cho định tưởng hướng về Tây phương tức là hướng về chỗ ở của Phật A-di-đà.

Phật bảo Vy-đề-hy rằng:

Người và chúng sinh phải nên chuyên tâm buộc niệm vào một chỗ tưởng về Tây phương. Phải tưởng như thế nào? Hễ quán tưởng, vì tất cả chúng sinh nếu ai không bị mù bẩm sinh thì đều thấy mặt trời lặn. Phải khởi tưởng niệm ngồi ngay quay về hướng Tây, quán chắc vào chỗ mặt trời sắp lặn khiến tâm trụ chắc chuyên tưởng không dời đổi. Thấy mặt trời sắp lặn hình như chiếc trống treo. Đã thấy mặt trời rồi nhắm mắt mở mắt đều thấy rõ ràng. Đó là tưởng mặt trời gọi là pháp quán thứ nhất.

Tùy theo đó mà giải thích, tức là Phật bảo v.v... trở đi, là khuyên chung tu quán. Kinh nói Vy-đề-hy người và chúng sinh, tức Vy-đề-hy là cơ hiện tại, tất cả chúng sinh là cơ vị lai. Cho nên biết tu quán chẳng chỉ chuyên cơ Phật, huống chi Vy-đề-hy là người phát khởi, chính vì người nay mà thỉnh cầu pháp Chánh thọ, cho nên Phật ta khuyên chúng sinh tu pháp tu như thế nào, là chuyên cột vào một chỗ tức là Tây phương. Thế nào trở đi, là chánh nói quán mặt trời, nêu cảnh được quán. Ý kinh nói là xưa đã từng thấy hoặc hiện đang thấy tưởng mặt trời sắp lặn để làm cảnh sở quán. Vì quán này khắp tất cả, chỉ trừ người mới sinh ra hai mắt đã mù. Đã không biết mặt trời là gì cho nên không thể tưởng được. Nếu đã từng có mắt mà nay bị mù thì cũng có thể tu được, huống là hiện đang sáng mắt thấy mặt trời rõ ràng, nên tu rất dễ. Tức lấy mặt trời sắp lặn làm cảnh mà tưởng khiến khởi mặt trời ở trong quán. Phải khởi trở đi, là chánh dạy quán sát. Trong giải thích đề ở chữ quán đã nói là ba điều quán của đề kinh ấy là chung, văn kinh là riêng, há chẳng lấy chung mà xuyên suốt các riêng. Nay tưởng mặt trời lặn mà có thể tưởng quán, tùy giải thích mà tiến lên. Ba tạng sự định, năng tưởng Sở sửng

đều là sinh diệt. Thông giáo sự định thì năng tướng sở tướng đều huyễn hóa. Còn biệt biết năng tướng vốn là Phật tánh, thì ở quán mà thứ lớp năng sở tướng lên. Người viên diệu giải thì biết tâm năng tướng vốn đầy đủ tất cả pháp Y chánh. Nay lấy tâm đủ mặt trời mà duyên với mặt trời tức tâm, khiến mặt trời bản tánh hiển hiện ra trước. Đây chính là dùng tâm pháp giới duyên với cảnh pháp giới mà khởi mặt trời pháp giới. Đã đều là pháp giới há chẳng tức là không giả trung. Người viên sáu căn thường xúc đối còn phải niệm niệm tức Không, Giả, Trung. Huống chi nay tu quán mà lại bỏ ba thứ này. Đây cũng nên chung. Nếu nói riêng ba quán thành công mặt trời thì vì căn cảnh vắng lặng nên tâm mặt trời vô ngại. Vì duyên khởi giả lập cho nên tướng nhiều thì mặt trời xanh. Vì tâm mặt trời ấy đều là pháp giới cho ngay đây mà hiển hiện. Ba quán này đồng ở một tâm chẳng phải một chẳng phải ba mà ba mà một chẳng thể nghĩ bàn. Vì người viên phàm tu công hạnh thấy đều như thế. Nếu không phải vậy thì chẳng phải là người viên tu sự quán. Người Thông thì lấy tâm như huyễn mà tu các sự định để nghiệm người viên dùng tâm tức trung mà thành sự quán ấy. Đã dùng diệu tâm mà quán mặt trời lặn, tâm này bền chặt hay ở bản tánh mà hiển hiện tướng mặt trời chẳng chỉ nhắm mắt mà thấy, mở mắt cũng thấy rất rõ ràng. Nếu thế thì quán mặt trời đã thành số. Dạy khiến v.v... trở đi là trừ nghi. Đại Bản quyển hạ chép: “Nếu có chúng sinh dùng tâm nghi ngờ tu các công đức nguyện sinh nước ấy, mà không hiểu trí Phật tu tập thiện bốn nguyện sinh về nước ấy, thì các chúng sinh này sinh lên cung điện ấy sống năm trăm tuổi thường không thấy Phật cũng chẳng nghe Pháp và không thấy Tăng. Ở cõi nước ấy mà chịu thai sinh, người này đời trước không có trí tuệ do nghi ngờ gây nên như thế. Cho đến sinh từ cung điện ấy không có một niệm ác sự, nhưng trong năm trăm năm không thấy Tam bảo.” Cho nên thực hành quán này khiến trừ nghi ngờ. Kinh nói không hiểu trí Phật thì sinh nghi ngờ. Số nói thực hành quán tướng này khiến trừ nghi ngờ, tức là nói quán này hiểu được trí Phật. Nếu không dùng một tâm ba quán mà quán mặt trời lặn thì là mê trí Phật, sao gọi quán này dứt trừ nghi ngờ. Quán mặt trời đã thế các quán khác cũng lệ theo đó. Cho nên Đại sư nương theo trí Phật mà lập pháp quán này. Nhưng mười sáu quán thuộc Đốn giáo cho nên đầu đuôi trước sau đều dùng trí Phật. Hễ Nếu làm các thiện nhỏ thì sắp qua đời mà hồi hướng trí Phật để cầu diệt tội chướng. Đây cũng gọi là hiểu rõ trí Phật mà không sinh nghi ngờ. Đã có thừa chủng thì sinh nước ấy mau được thấy Phật nghe pháp dự vào hải chung mà không sinh chốn biên địa và bị thai cung. Chướng

trở đi, là diệt chướng tức là tội nặng ngũ nghịch. Kinh ấy nói tán thiện sức yếu nên nghịch báng (năm tội nghịch và chê bai chánh pháp) chẳng sinh. Nên kinh ấy nói: “Nếu có chúng sinh nghe danh hiệu Phật ấy mà tin tưởng vui mừng cho đến một niệm đốc lòng hồi hướng nguyện sinh nước ấy thì liền được vãng sinh trụ vào Không lui sụt chuyển, chỉ trừ năm tội nghịch chê bai chánh Pháp.” Nếu y theo kinh này mà tu chánh quán ở địa vị thấp nhất đến tướng mặt trời thì cũng trừ được tội nặng ngũ nghịch. Thế thì biết tội nghịch được sinh là nhờ tu quán. Nhóm thấy tự luận, là quán hạ phẩm hạ sinh rằng: Trừ được tám mươi ức kiếp tội nặng sinh tử. Nay nói sáu mươi, e chữ sáu mươi là lầm.

Hỏi: Đã dùng pháp giới để làm tâm cảnh mà hiển hiện mặt trời pháp giới, khiến nhắm mắt mở mắt đều thường thấy mặt trời, tức là quán hạnh thấy lý pháp giới, trong ba phẩm sao xếp vào vị danh tự, thuộc phẩm hạ hạ.

Đáp: Lý quán sự định tướng là tu, tâm tuy chẳng hai mà sự tạp phạm tình cho nên chưa phục được hoặc mà sự định sẽ thành. Còn lý quán thì phải quên tình, phục hoặc mới phát, cho nên hoặc mới phục riêng thì gọi là vị quán hạnh mà thấy lý pháp giới. Phục sâu mới gọi là Tương tự vị kiến. Phần đoạn mới được thấy chân pháp giới. Nay người tu quán mặt trời, quán băng và quán lưu ly. Tuy dùng pháp giới tâm cảnh mà quán, nhưng hoặc hoàn toàn chưa hàng phục, phạm tình còn cạn, mới chỉ được thấy danh tự mặt trời pháp giới mà không phải vị quán hạnh. Nói thế là y cứ kể độn căn quán mặt trời mà được lợi ích định tâm vắng tướng, cho nên ở vị danh tự. Nếu kẻ lợi căn, mặt trời pháp giới hiển hiện thì liền có thể viên phục ngay, và mặc nhiên trừ hai thứ thô hoặc, chẳng lẽ không phải quán mặt trời trái khắp chín phẩm hay sao?

Hỏi: Nay dùng lý mà giải tướng mặt trời hiện tiền, dấu chưa đoạn hoặc mà sự định đã thành. Theo kinh nói thì người hạ hạ phẩm bị khổ ép ngặt không nghĩ đến niệm Phật, chỉ mười niệm sớm xưng niệm danh hiệu Phật ấy, tâm tuy tiếp nối mà không thể cùng loại với thấy mặt trời định tâm, do đâu mà đồng ở phẩm vị thứ chín?

Đáp: Người ấy do gây ra tội nghịch và làm các tướng, khi sắp qua đời bị khổ ép ngặt, nhưng gặp được bạn lành nói Diệu pháp cho nghe, tuy chẳng thể niệm ba thân Phật ấy, nhưng vì sợ địa ngục nên tha thiết xưng danh hiệu đủ mười niệm. Đã dứt ác sau liền nương niệm này gá vào sen ấy thì gọi là phẩm hạ hạ. Nay luận người từ đầu ưa thích siêng năm thực hành tam-muội, gìn giữ các Thiện tri thức. Nghe pháp hiểu

tâm vốn đủ các pháp Y Chánh Tịnh độ, nên tâm tu đủ mười sáu pháp quán cho nên trước quán mặt trời khiến tâm trụ chặt so với các quán sau đây là phẩm đầu (ngọn). Người ấy tuy không liền thành sự định, mà có thể mười niệm xưng danh hiệu không tán loạn thì cũng thuộc về Định. Lại gần sức quyết đoán mạnh mẽ khi qua đời, cho nên được dự vào phẩm thứ chín. Cho nên hành tướng tuy nhỏ nhặt không đồng mà phẩm vị thì không khác nhau. Đó là trở đi là kết.

Quán nước về phân khoa, thì kể quán tướng nước thấy nước lắng trong cũng khiến cho thấy rõ ràng không chút tán loạn. Đã thấy nước rồi, phải khởi tướng băng, thấy băng trong suốt rồi tướng như lưu ly. Tướng này thành rồi thì thấy đất lưu ly trong ngoài trong suốt. Dưới có tràng vàng Kim cương bảy báu. Trên đất lưu ly dựng cờ cao ấy tám phương, có tám cạnh đầy đủ. Mỗi mặt do trăm báu tạo thành. Mỗi châu báu có ngàn tia sáng, tám muôn bốn ngàn màu sắc, sáng lòa đất lưu ly như ngàn ức mặt trời chẳng thể thấy hết. Trên đất lưu ly dùng sợi vàng ròng phân chia nhiều vùng, dùng bảy báu phân chia ranh giới rõ ràng. Mỗi báu có ánh sáng năm trăm mẫu. Ánh sáng ấy như hoa, lại giống như trăng sao treo giữa hư không, thành lâu đài ánh sáng, ngàn muôn lâu các trăm báu hợp thành. Ở hai bên đài đều có trăm ức tràng hoa, vô lượng nhạc khí để trang nghiêm. Tám thứ gió mát từ ánh sáng thổi lên vỗ vào các nhạc khí giảng nói các tiếng khổ, không, vô thường, vô ngã. Đó là tướng nước.

Tùy giải thích, tức là nêu cảnh được quán, đã từng thấy nước trong ao hồ mà làm cảnh sở duyên. Thấy nước v.v... trở đi, chính là nói khởi quán. Đã theo Viên tông thì biết tâm năng tướng đủ bảy đại tánh cho nên tâm có nước dụ là nước tức tâm. Quán ở bản tánh khiến nước hiển hiện ra và các tướng đều ở tâm tánh quán mà khiến hiện rõ. Văn kinh nêu tướng nước. Diệu tâm đã vận thì tánh nước liền sinh, chuyên tướng lắng trong khiến tâm không phân tán. Đã thấy v.v... trở đi, là biến nước thành băng. Pháp tánh cụ chuyển biến tự do cho nên có thể tướng nước thành băng cứng chắc. Thấy băng v.v... trở đi, là biến băng thành lưu ly để hiểu bốn, tướng này trở đi, là quán lưu ly thành đất. Tâm chứa đủ Pháp có bốn bờ gì. Vì không duyên Diệu quán nên ẩn mà không phát hiện. Nay theo lời Phật thuận tánh mà tướng. Đất báu sáng suốt các tướng kỳ lạ tùy tâm hiện ra ở sáu đoạn này, tùy thành đất ngọc trong suốt. Dưới có v.v... trở đi là cờ báu sáng suốt. Lưu ly v.v... trở đi, là các trang nghiêm trên đất. Mỗi pháp v.v... trở đi, là ánh sáng báu và lâu các. Ở đài trở đi, là tràng hoa và nhạc khí. Tám thứ trở đi, là gió nhạc giảng

nói pháp, số nói thật không có thời gian, là kinh Đại Bản chép: “Cõi ấy không có bốn mùa chẳng lạnh chẳng nóng và không có mặt trời mặt trăng mà thường sáng suốt. Mượn ở cõi này có bốn phương bốn duy mà có tám thứ gió (tức gió tám hướng thổi về) cho nên cũng thuận theo đây mà có tám gió. Nhưng tám gió ấy chẳng đồng với ở cõi này khiến vật có lớn lên và suy tàn. Chỉ là nhạc tự kêu mà giảng nói Diệu Pháp mà thôi.” Ấy là v.v... trở đi là kết.

Quán đất về phân khoa, tức là khi quán này thành thì mỗi pháp quán khiến cho thật rõ ràng nhắm mắt mở mắt khiến không tan mất. Chỉ trừ khi ngủ, thường nhớ việc này. Như thế mà tưởng thì gọi là thô thấy đất cõi Cực lạc. Nếu được tam-muội thì thấy đất cõi ấy rất rõ ràng không thể nói hết, đó là tưởng đất. Phật bảo A-nan: “Ông giữ lời Phật nói vì tất cả đại chúng đời vị lai muốn thoát khổ mà nói pháp quán đất này. Nếu quán đất thì trừ được tám mươi ức kiếp tội sinh tử. Khi bỏ thân này (vào đời khác) thì sẽ sinh tịnh quốc, mà tâm được vô ngại. Thực hành quán này gọi là Chánh quán. Nếu thực hành quán khác gọi là tà quán.

Tùy giải thích, về tiệm tưởng tức chuyển tưởng bằng dùng để biểu thị cho lưu ly. Tuy là quán đất các thứ trang nghiêm nhưng chưa gọi là chỗ ở của Thắng ứng thân Phật ấy, vì ba quán còn yếu cũng gồm giả tưởng cho nên ở đất ấy gọi là thấy thô. Nếu được v.v... trở đi là Thật quán. Diệu công ở tam-muội có thành mà thấy được đất thắng thân ấy nương tựa, các tướng trang nghiêm đâu thể bày đầy đủ, hiểu rõ Đồng cư đủ tất ba cõi tướng ấy không nhỏ như các kinh nói. Hễ làm thiện nhỏ mà hồi hướng cầu sinh dầu nương theo Đại thừa, nhưng chỉ là tán thiện, cho nên cảm được tịnh tướng An Dưỡng cũng kém. Nếu nay Đốn giáo mà tâm quán Diệu tống thấy được Tịnh tướng thì rất khác hẳn các bộ khác. Như tu Diệu quán ở Đồng cư ược còn thấy được tướng tôn đặc và Thật báo há là một thứ với cõi Tịnh Đồng cư thân. Cho nên nay tưởng đất, diệu tam-muội mà thành thì thấy sự trang nghiêm chẳng thể nói hết. Phật bảo v.v... trở đi, là nói lợi ích. Số nói trước nước là tưởng, bởi nhờ nước phương này để thành băng là biểu thị cho đất thật ở cõi ấy nhưng là giả tưởng nên gọi là thô thấy. Nay thành tam-muội thật thấy đất ấy gọi là Thật quán. Nói giả tưởng không thể diệt tội. Đây là Đại sư thuận kinh mà sách tấn, khiến người tu mau chóng thành tam-muội. Mà chẳng phải giả tưởng thì hoàn toàn không diệt tội. Làm sao biết như thế? Quán mặt Trời còn là trong số diệt tội của hạ phẩm hạ sinh, há đã thô thấy đất mà hoàn toàn không trừ được tội. Thực hành tưởng này trở

đi là nói chánh tà. Quán hợp với kinh thì nói là thấy tánh, gọi là chánh quán. Thấy tướng trái kinh là phát ra việc ma, nên gọi là tà quán. Sau đó đều thế.

Quán cây có phân khoa. Tùy giải thích là kết trước sinh sau và chính là nói quán hạnh.

Hỏi: Quán mặt trời, quán nước đều trước có lập cảnh. Còn quán đất, quán cây không nói là sao?

Đáp: Nói riêng thì nước và mặt trời đã từng thấy tướng nên chỉ mà làm cảnh. Còn cây và đất trở đi chưa hề thấy thì lấy gì làm cảnh. Nếu luận chung thì đều được có cảnh. Vì sao, vì các quán đều để dạy tướng bày ra mà nhớ giữ ở tâm để làm cảnh được duyên. Nhưng hiểu rõ năng quán vốn đủ các pháp này, mượn cảnh mà tướng thành khiến tánh đủ pháp phát sáng tâm mắt. Cho nên tâm quán và tướng phát ra mỗi pháp đều ba. Cho nên biết luận chung đều được có cảnh. Văn này có năm:

1. Quán cây báu v.v... trở đi là nói thể của cây. Trang nghiêm sau và sinh pháp đều là năng y. Nay mỗi mỗi cây cao tám ngàn do-tuần tức là thể sở y.

2. Mỗi mỗi trở đi, là tướng trang nghiêm. Lưu ly nói đủ là Phê-lưu-ly-da, Hán dịch là chẳng xa. Tức là ở Tây vực có núi cách thành Ba-la-nại không xa. Báu này sinh ra ở đó cho nên lấy đó làm tên. Pha lê, chánh gọi là Tốt-ba-chí-ca, hình dạng nó hơi giống thủy tinh ở cõi này. Nhưng có màu trắng đỏ.

3. Chư Thiên trở đi là nói sinh pháp. Sinh tức là chúng sinh là chư Thiên đồng tử. Vì sinh đối với các sự trang nghiêm (vì sinh dùng để trang nghiêm) nên gọi là pháp. Thích-ca Tỳ-lăng-già, Hán dịch gọi là Năng thắng. Ma-ni chính gọi là Mạt-ni, Hán dịch là Ly cấu. Là nói báu này sáng sạch không bị các bụi dơ bám bẩn. Lại dịch là Tăng trưởng, nghĩa là chỗ báu này ắt tăng thêm oai đức xưa dịch là Như ý. Đây đều là dịch nghĩa. Bậc thượng trong sắcngĩa là ánh sáng của Ma-ni lẫn lộn trong các báu thì sắc nó đẹp đẽ khác lạ hơn hết không gì sánh bằng. Vàng Diêm-phù-đàn, Diêm-phù nói đủ là Nhiễm-bộ-nại-đà, đây là tên sông ở Tây vực, gần cây Diêm-phù-nại-đà. Vàng đó xuất phát từ sông này. Đây là do cây mà đặt tên, vàng do sông mà được tên. Như Bình Đế Thích, nói đủ là Thích-ca Nhân-đà-la, Hán dịch là Năng chủ, là có khả năng làm chúa trời. Nói bình, thì Thích Luận quyển mười lăm chép: “Có người thường cúng dường trời, người này rất nghèo, một lòng cúng dường suốt mười hai năm cầu được giàu sang.” Trời thương người này bèn hiện thân mà hỏi rằng Người muốn cầu điều gì?

Đáp: Tôi cầu giàu sang muốn gì được nấy. Trời bèn cho một chiếc bình gọi là đức bình bảo rằng cần vật gì thì trong bình hiện ra. Người này được bình rồi thì muốn gì đều thoả nguyện. Diệu hoa mọc ra các quả, là như bình trời kia sinh ra các vật cho nên lấy làm dụ.

4. Có v.v... trở đi là hiện ra các cõi nước Phật, không phải hiện riêng một đại thiên mà cả các cõi Phật mười phương đều hiện trong đó. Nếu phát sanh Quán cây thì chuyển sang quán Cõi Phật cũng không khó.

5. Quán thấy v.v... trở đi là kết quán. Tuy do lọng báu sáng mà thấy các cõi mười phương nhưng từ cây mà khởi lên, nên phải kết ngọn mà trở về gốc. Vì thế ấy là v.v... trở đi là kết luận.

Quán ao, gồm số khoa, kế phải tưởng nước. Muốn tưởng nước thì cõi nước Cực Lạc có ao nước tám công đức. Mỗi ao nước do bảy báu tạo thành. Ao ấy mềm mại từ châu Như Ý vương sinh ra chia làm mười bốn nhánh, mỗi mỗi nhánh có diệu sắc bảy báu. Vàng ròng làm ao, dưới ao đều dùng Kim cương gồm nhiều màu sắc khác nhau làm đáy ao. Trong nước có sáu mươi ức hoa sen bảy báu. Mỗi hoa sen đều rộng mười hai do-tuần. Nước Ma-ni chảy tưới lên các hoa và cọng cây mà lên xuống, âm thanh rất hay, giảng nói khổ không, vô thường, vô ngã các Ba-la-mật. Lại khen ngợi tướng tốt của Chư Phật. Như ý Châu Vương phát ra ánh sáng màu vàng ròng mầu nhiệm. Ánh sáng ấy hóa ra chim trăm sắc báu, hót tiếng rất êm tai thường khen niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Ấy là tưởng nước.

Giải thích kinh có nói về thể của ao. Thể nghĩa đồng với cây, mỗi điều v.v... trở đi là nói tướng của ao. Chi là nhánh, mạch. Ao vàng đáy cát, hoa sen đều là tướng kỳ diệu của tám ao. Ma-ni trở đi là nói tùy tâm, nói về nước báu làm vui thích lòng người, tự nhiên trên cây sau mới chảy xuống. Cho nên kinh Thượng Sinh chép: “Cung trời Đâu-suất có nước chảy quanh các cột kèo, thì giống như đây.” Tiếng rất trở đi là nói lợi ích. Tức tiếng nước nói pháp làm tăng tuệ cho người quán. Khổ, không... là nói Tiểu, các tướng đẹp là nói Đại lại khen niệm Phật, Pháp, Tăng thì khiến người quán sâu Tam bảo này cũng khen biệt thể đồng thể khác nhau. Kinh Niết-bàn nói Bồ-tát Lưu ly quang muốn đến cõi này thì trước phát ra ánh sáng, không phải xanh hiện thành xanh. Văn Thù nói ánh sáng này tức là trí tuệ. Đại sư dẫn đây mà lập sắc có phân biệt. Hoặc tâm hoặc sắc chỉ là một sắc. Nay tiếng nước nói pháp, ánh sáng hóa thành chim há chẳng bày sắc có phân biệt. Sắc năng tạo tâm sắc đủ ở tâm chỉ là một sắc ư? Phải biết muôn pháp chỉ là tâm còn gồm

quyền giáo, các sư khác đều nói tất cả chỉ là sắc. Chỉ ở Viên tông riêng theo Tổ ta, để biến nghĩa gồm riêng, đủ duy thuộc viên. Năm ấy là trở đi, là kết quán số giải thích tám Đức mà đối năm nhập. Và tiếng nói pháp tức là Thanh nhập, tuy thành sáu nhập nhưng đều là cảnh mâu. Cho nên khiến người tu mau chứng vô sinh.

Về quán chung gồm có Số khoa. Về văn kinh thì nói quán chung, là quán Lầu báu, tức từ các báu trở đi chính là nói quán lầu. Lầu ấy trở đi là nói hai nơi có tiếng nhạc, tức là trong lầu thì chư thiên thổi nhạc trên hư không thì tiếng nhạc tự kêu. Tiếng nhạc này đều nói Tam bảo, quán môn mâu nhiệm. Tưởng này v.v... trở đi, là kết thành quán chung. Trước là hệ niệm, phải nhờ mặt trời lặn và băng ở cõi này làm phương tiện, kế quán đất, cây, ao, lầu ở nước ấy. Nên biết bốn thứ này được thứ sau thì sẽ được thứ trước. Cho nên quán lầu thành thì bốn việc đều hiện. Cho nên đến đây được gọi là quán chung. Tuy nói thấy chung, nhưng nếu so với quán sau thì đây cũng là quá y cứ lược cho nên nói là thấy thô. Từ ấy v.v... trở đi, là kết. Nếu thấy v.v... trở đi, là nói lợi ích, trừ được nghiệp ác cực nặng trong vô lượng ức kiếp. Trong tòa hoa có nói trừ tội năm muôn ức kiếp. Ở quán đất trước thì trừ được tám mươi ức kiếp. Nhưng số diệt tội nhiều ít đều do Phật trí lượng ra mà nói không phải chỗ kể sơ tâm lường nghĩ được, chỉ có thể tin theo mà thôi. Thực hành quán ấy v.v... trở đi là nói quán Tà chánh.

Quán kế là quán Chánh báo gồm có phân khoa và tùy giải thích, tức là khuyên nghe hứa nói. Nói lời ấy trở đi là Phật hiện thân tướng. Khi ấy Vi-đề v.v... trở đi là vì vị lai mà thỉnh. Thứ tư v.v... trở đi là đáp lời thỉnh nói rộng, nghĩa là đáp lời thỉnh nêu ra năm thứ. Phật bảo A-nan và Vy-đề-hy rằng:

Hãy lắng nghe lắng nghe và khéo nghĩ nhớ. Ta sẽ vì các người mà phân biệt giải thích pháp trừ khổ. Các người nên nhớ kỹ rộng vì đại chúng mà phân biệt giải thích.

Khi nói lời ấy thì Phật Vô Lượng Thọ trụ trên hư không, Quán Thế Âm và Đại Thế Chí là hai vị Đại Sĩ đứng hầu hai bên Đức Phật ấy, ánh sáng rực rỡ bao trùm khắp tất cả. Có trăm ngàn sắc vàng Diêm-phù-đàn cũng không sánh bằng. Lúc đó Vy-đề-hy thấy Phật Vô Lượng Thọ liền đảnh lễ Phật bạch rằng:

Bạch Thế tôn, nay con nhờ sức Phật mà thấy Phật Vô Lượng Thọ và hai Bồ-tát chúng sinh đời vị lai làm sao quán Phật Vô Lượng Thọ và hai Bồ-tát?

Vy-đề-hy do thấy ba vị Thánh nên vì chúng sinh đời vị lai mà

thỉnh quán ba vị Thánh. Như lai đáp lời thỉnh chỉ rõ năm môn, là sao? Đã muốn quán Phật, thì ngồi trên tòa cho nên trước phải quán tòa. Lại tuy quán chân Phật nhưng trước phải quán tượng để khiến tâm lạnh lợi cho nên đáp thứ ba mà bày ra năm quán này. Nhưng riêng nêu Phật là lấy chủ bao gồm đồ đệ.

Từ quán hoa v.v... trở đi, là chung ở chỗ quán mà giải thích. Nói đủ về Chánh báo, phải nương vào khoa trước mà chiếu bẩy cảnh này. Văn gồm có quán tòa hoa thì có số khoa và văn kinh tức gồm thành tòa pháp dụng và nói về tướng. Về khoa thì Phật bảo v.v... trở đi, là nói pháp dụng, tức là dụng của pháp quán, vì đầy đủ lý do mới có dụng sự, tâm năng tưởng thì pháp nào chẳng đủ, y Thánh nói cảnh ở tánh mà quán. Tòa Hoa trang nghiêm không hiện mà hiện. Khiến nó v.v... trở đi, là luận tướng, tức pháp dụng mà thành các tướng của tòa hoa. Văn này cũng có số lượng sắc hoa; mỗi hoa v.v... trở đi là sáng châu giữa hoa; Thích-ca trở đi là đài hoa lười báu. Chân-thức-ca, Hán dịch là màu đỏ, Tây vực có Chân-thức-ca, hoa nó màu đỏ, lớn như bàn tay. Sắc hoa này giống hoa ấy nên lấy đó đặt tên; ở đó trở đi là nói cờ báu trang nghiêm. Núi Tu-di, Hán dịch là Diệu Cao, cũng gọi là An Minh. Trời Dạ-ma gọi đủ là Tu-dạ-ma, Hán dịch là Thiện Thời. Vì trời ấy sáng mãi không có ngày đêm khác nhau, nên gọi là Thiện Thời. Nên biết ai có khả năng quán ba quán càng sâu thì thắng tướng phát ra lớn dần. Như cây báu trước chỉ cao trên Cờ báu tám ngàn do-tuần. Còn nay tòa hoa và đài cao to như muôn ức núi Tu-di, nghiệm ra thì thể của tòa rất là cao lớn. Cho nên biết diệu cảnh tùy quán mà sang hơn. Mỗi mỗi sắc vàng trở đi là nói có công năng tùy cơ lợi vật. Tòa Quán nếu thành, thì Phật sự mười phương tùy quán đều thấy. Ấy là trở đi là kết quán. Phật bảo trở đi là nói do nguyện lực mà thành. Phật ấy trong nhân làm Bồ-tát Tỳ-kheo tên là Pháp tạng, ở chỗ Phật Thế Tự Tại Vương, phát bốn mươi tám nguyện dùng Tịnh độ này mà nhiếp các chúng sinh. Nay nguyện lực thành nên khiến hoa tạng chỗ y như thế. Nếu muốn v.v... trở đi, là nói lợi ích ở vị lai.

Quán tượng Phật Bồ-tát, gồm có phân khoa. Pháp giới v.v... trở đi là tùy giải thích, tức là nói pháp thân Chư Phật từ tâm tưởng sinh. Muốn tưởng thân Phật thì phải biết quán thể. Thể là Bản giác khởi thành năng quán. Y theo thể mà lập Tông là nói ở đây. Phải biết bản giác chính là thân pháp giới của Chư Phật. Vì các Như lai không khác chỗ chứng mà toàn chứng bản tánh của chúng sinh. Nếu thí giác có công phu thì, bản giác liền hiển. Cho nên nói pháp thân từ tâm tưởng sinh. Lại, Di-

đà cùng tất cả Phật là một thân một trí, ứng dụng cũng thế. Thân Di-đà hiển thì tức là thân Chư Phật, tướng chủ Phật sáng thì tức là thể Di-đà. Cho nên nói chung sinh thân Chư Phật xem là quán sát quán thể Di-đà. Sở y cứ có ba nghĩa để giải thích văn kinh này. Giải thích tám câu đầu, thì y cứ cảm ứng giao nhau mà giải thích, tức là nói Phật vào tâm chúng sinh. Thân pháp tánh của báo Phật, đầy đủ Thỉ giác thì gọi là báo Phật, rõ hiển bản giác thì gọi là thân pháp tánh. Thỉ bản đều minh mà hay khởi ứng dụng, nhưng cần phải năng cảm thì mới hiển hiện ra. Nay nói ba quán tịnh tâm niệm Phật mới gọi là năng cảm. Cho nên nói tâm chúng sinh tịnh thì pháp thân tự tại, hai đạo này giao nhau ấy là nghĩa nhập. Lại lấy mặt trời sáng lòa trên cao mà dụ cho thỉ hợp bản. Bóng hiện trăm sông là dụ ứng nhập tịnh tướng. Tức là trở đi là tướng tùy vật hiện. Ba mươi... là điệp Kinh. Cho nên các người trở đi là văn. Nói Phật trở đi là giải thích nghĩa. Do pháp báo minh nhau, nên ứng dụng tự tại, có tịnh tâm cảm thì đều thị hiện. Trước nói Phật Bồ-tát, tức là văn chỉ Chư Phật là thân pháp giới mà nói Bồ-tát là vì thân Pháp giới chung với phần chúng, cho nên gồm có Bồ-tát. Ý nói trước tuy hiển thị pháp thân vào tâm nhưng chưa nói tướng tùy quán mà hiện thân. Nay nói quán tướng tốt Phật, Phật dùng tướng tốt tùy tâm quan mà hiện ra. Cho nên nói đây nói năng tùy. Lại pháp v.v... trở đi, là y cứ giải nhập tương ứng mà giải thích. Trước nói đường cảm ứng giao nhau, sợ nói thể Phật khác thể chúng sinh nên cảm mới nhập. Nay bỏ cái thấy này nên nói thân Phật không chỗ nào chẳng khắp. Đã không ngoài pháp giới há lại hơi khác với chúng sinh. Nếu thế thì thể Phật vốn khắp hoàn toàn là sắc tâm y chánh của chúng sinh. Vì sao kinh lại nói vào tâm chúng sinh? Song tuy toàn là mà chúng sinh mê trái, cho nên thể Phật thành nghĩa xuất ly. Nay được quán giải khế hợp thể Phật, Cho nên Phật thể nhập vào tâm quán giải, nên được gọi là giải nhập tương ứng. Đây là thỉ giác hiểu rõ bản giác, cho nên bản giác nhập vào thỉ giác.

Hỏi: Giải nhập tương ứng giải thích mới trúng đích, nghĩa này liền đủ, sao trước phải y cứ, cảm ứng mà giải thích?

Đáp: Nay tâm quán không phải ở ấm mà quán bản tánh Phật, bèn nương Phật khác mà hiển bản tánh. Cho nên trước nói ứng Phật nhập vào tâm tướng của ta. Kế là nói thân Phật hoàn toàn là bản giác, cho nên ứng Phật hiển hiện. Biết bản tánh sáng mượn nghĩa ngoài mà thành, chỉ tâm quán mà lập. Hai giải thích nhờ nhau là quán môn này. Cho nên thiếu giải Thích-cảm ứng thì không được. Tâm ấy v.v... trở đi, hai câu trong giải thích có nói “Làm” và “Là” khác nhau, tức là y cứ

hay cảm hay thành mà giải thích “Làm”. Làm có hai nghĩa: Một là Tịnh tâm hay cảm được ứng Phật phương khác, cho nên gọi tâm ấy thành Phật. Nói Phật vốn không, là Pháp thân mất bật không có sắc lần lượt thấy nhau. Tâm tịnh nên có, là chúng sinh Tâm tịnh y vào nghiệp thức huân pháp thân Phật, cho nên thấy tướng Thắng ứng diệu Sắc; hai là tam-muội hay thành quả Phật của mình nên nói cũng nhân v.v... Lại nói tâm ấy thành Phật là trước thành Phật khác kể thành Phật mình. Hai, là Tâm ấy là trở đi, là y cứ tức ứng tức quả mà giải thích “Là”. Là cũng có nghĩa là tâm tức ứng Phật nên gọi tâm ấy là Phật. Vừa nghe ... Phật thể không tướng, tâm cảm nên có, thế thì tâm Phật và có không đều một bề khác nhau. Vì mất kiến này nên nói tâm là ứng Phật mà ngoài tâm không Phật. Tâm tức quả Phật nên gọi tâm ấy là Phật tức cũng là một câu không có nhân Phật. Tâm đã là quả Phật cho nên không thể thành nhân tam-muội. Trong tâm chúng sinh đã có Như lai ngồi kiết già, đâu phải đợi vị lai mới thành quả Phật. Một là ứng Phật, hai là quả Phật đây chính là văn tiêu thích Kinh sơ. Nếu luận nghĩa làm và là thì tức là ba quán bất tư nghĩ. Vì sao, vì nói tâm thành Phật mà hiển chẳng do tánh đức tự nhiên mà có Phật, vì nói tâm là Phật mà hiển bày chẳng do tu đức mà nhân duyên thành Phật. Nên biết ngoại đạo các cú, ba giáo bốn môn đều là chỗ có thể nghĩ bàn, chẳng ngoài nhân duyên và tự nhiên. Cho nên kinh Phật Đánh chép: Bảy Đại đều là Như lai tạng theo nghiệp mà phát hiện, mỗi phần kết luận rằng: Thế gian không biết hoặc là nhân duyên và tánh tự nhiên đều là thức tâm phân biệt tính toán, chỉ có lời nói mà không có thật nghĩa. Họ nói thế gian gồm có chín cõi, nay ở một niệm diệu quán “Làm, là” hay mất tánh qua, tức “Là” mà “Làm”, cho nên tòa tánh thành tu thì mất tất cả tánh tự nhiên. Tức “Làm” mà “Là”, cho nên toàn tu tức tánh thì mất tất cả tánh nhân duyên. Nếu thế sao nghĩ chẳng dứt, sao bàn chẳng quên. Đã lấy làm là dứt hết nghĩ bàn, lại lấy làm là mà hiển bày ba quán. Vì hoặc phá hoặc lập đều gọi là “Làm” không giả hai quán. Còn không phá không lập thì gọi rằng “Là” là Trung đạo quán. Toàn là mà làm thì ba đế đều phá, ba đế đều lập. Một không thì tất cả không, một giả thì tất cả giả. Còn toàn làm mà là, thì ba đế đều chẳng phá chẳng lập, gọi là một trung thì tất cả trung. Không giả của tức trung gọi làm thì năng phá ba hoặc năng lập ba Pháp, cho nên cảm được ba thân Viên ứng của Phật khác mà hay thành ba thân được quả của tâm ta. Trung của tức không giả gọi là thì hoàn toàn hoặc tức trí, toàn chướng tức đức cho nên tâm là ứng Phật, tâm là quả Phật. Cho nên biết làm là một tâm tu, chính là ba quán bất tư nghĩ,

là tổng thể của mười sáu quán, là Diệu tông của một kinh. Văn trong đây nghĩa khắp trước sau, cho nên người tu phải dùng ý này mà tu nhân Tịnh độ, chẳng thể không biết cho nên nay lược giải thích. Thử học trở đi làm là cùng giải thích là y cứ thử chung. Nếu luận sáu tức thì đều làm đều là. Nay nói về tu chứng thì làm là cần phân biệt. Thử thời gồm ba vị danh tự, quán hạnh và tương tự, tu mà chưa chứng nên gọi làm. Chung thì phần chứng, rốt ráo, nhận rõ chân giác, nên được gọi là. Ý còn giản đốn cho nên có giải thích này. Như đương v.v... trở đi, là y cứ đương hiện mà giải thích. Lấy hiện giải thích là, lấy đương giải thích làm, là khiến tức tâm mà thấy thể Phật pháp, lấy hiện nhân này mà chứng đương quả. Cho nên lấy tâm Phật đồng thể mà gọi tâm là Phật, quán sinh quả kia gọi tâm thành Phật. Ý ở tức tâm niệm Phật và khiến mộ quả mà tu nhân cho nên có giải thích này. Chánh biến trở đi, hai câu sau là ba trí dung diệu gọi là Chánh biến tri. Vô lượng sâu xa nên dụ là như biển. Đây chính là tròn đầy Viên Minh Đại giác, không hai không khác với tâm thể ta. Nay y vào đốn giáo, tức ba hoặc nhiễm mà tu tâm viên tịnh, hay sinh Chánh Biến Tri của Chư Phật, đây y cứ Phật khác mà giải thích tâm sinh, hoặc y vào tâm này mà năng thành đương quả, đây là y cứ Phật mình mà giải thích tâm sinh.

Cho nên phải nhất tâm buộc niệm quán chắc Phật ấy, Đa-đà A-già-độ, A-la-ha, Tam-miêu-tam Phật-đà. Tưởng Phật ấy, trước phải tưởng tượng, nhắm mắt mở mắt thấy một tượng báu như sắc vàng Diêm-phù-đàn ngồi trên hoa ấy. Thấy tượng ngồi rồi mắt tâm được mở sáng, phân minh rõ ràng, thấy nước Cực lạc bảy báu trang nghiêm. Đất báu ao báu cây báu bày hàng, các màn báu che đậy bên trên, các lưới báu giăng khắp hư không. Thấy các sự ấy khiến rất rõ ràng như xem chỉ tay trong bàn tay. Thấy sự này rồi lại phải tưởng một hoa sen lớn ở bên trái Phật. Hoa sen như trước không phát sai khác. Sau lại tưởng một hoa sen lớn khác ở bên hữu Phật. Tưởng tượng một Bồ-tát Quan Thế Âm ngồi ở tòa hoa bên trái cũng có sắc vàng như trước không khác, rồi tưởng một tượng Bồ-tát Đại Thế Chí ngồi ở tòa hoa bên phải. Khi tưởng này thành, tượng Phật và Bồ-tát đều phát ra ánh sáng. Ánh sáng này sắc vàng rờn chiếu các cây báu. Dưới mỗi cây cũng có ba hoa sen, trên các hoa sen này đều có tượng một Phật và hai Bồ-tát, đầy khắp nước ấy. Khi tưởng này thành thì người tu phải nghe tiếng nước chảy và ánh sáng và các cây báu, các chim Cưu nhận uyên ương, đều nói pháp mầu. Xuất định nhập định luôn nghe tiếng Diệu pháp. Người tu nghe rồi khi xuất định thì nhớ mãi không quên khiến hợp với Tu-đa-la. Nếu không hợp thì gọi

là vọng tưởng. Nếu cùng hợp thì gọi là tướng Thô thấy thế giới Cực lạc. Ấy là tướng tượng. Thực hành quán này thì trừ được tội sinh tử trong vô lượng kiếp. Ở hiện thân được tam-muội niệm Phật.

Đa-đà A-già-độ, hoặc là nói mười hiệu vô lượng danh hiệu. Trong đây lược nêu ba hiệu là Như lai, Ứng Cúng và Chánh Biến Tri. Thiên trúc gọi ba tiếng giống nhau: A-la-ha, dịch là Ứng Cúng, A-la-hán dịch là Vô sinh, A-lô-hán dịch là Sát-tặc, hợp với Tu-đa-la, là khi quán hạnh thì khiến tương ứng với giáo Pháp, cho nên nói hợp. Lại giải thích hợp với giáo mười hai bộ kinh, nhập định là Tu-đa-la khi xuất định thì tâm hợp với định, cho nên nói hợp với Tu-đa-la.

Đa-đà trở đi, là quán riêng Di-đà và bày pháp quán, tức là khiến quán riêng. Kinh nói cho nên cần phải, là trên đã nói bày tâm cảm Chư Phật, vì tâm tức Chư Phật. Vì nghĩa ấy nên biết tức tâm mà quán Di-đà. Tâm còn có khả năng làm Chư Phật há chẳng tức Di-đà. Nên biết Di-đà cùng tất cả Phật chẳng nhiều chẳng ít. Chư Phật tức là nhiều của một, Di-đà tức là một của nhiều. Tâm hệ niệm quán chắc Phật ấy, tức là một tâm ba quán. Chỉ nói quán chắc, sao nói ba quán, lấy cảnh sở quán nêu ra ba hiệu mà nói năng quán biết là ba quán. Vì sao ? Đa-đà A-già-độ, Hán dịch là Như lai. A-la-ha, Hán dịch là Ứng Cúng. Tam-miệu-tam Phật-đà, Hán dịch là Chánh Biến Tri. Hiệu này tức mời ba đức. Nay ở sở quán nghĩa đúng ba đức. Chánh Biến Tri tức là Bát-nhã, là Chân đế. Ứng Cúng tức là Giải thoát, là Tục đế. Như lai tức Pháp thân, là Trung đế. Lấy ba đức làm ba đế, một viên dung chẳng phải một chẳng phải khác. Đế này cùng quán kia tên khác mà thể đồng dứt hết nghĩ bàn. Đây bèn lại thấy quán thể Di-đà, đem quán này mà quán tượng quán chân. Sở giải thích ba hiệu.

Hỏi: Trong văn quán tượng nêu tâm thành Phật, nêu tâm là Phật, lại dùng ba hiệu để hiển bày ba đế. Diệu quán đã lập có thể dùng pháp này mà quán các cảnh. Từ mặt Trời lặn quán đến tòa hoa, Phật đã chưa nêu thức ba quán, sao người tu được dự dùng quán này?

Đáp: Phật đối với đương cơ bày quán trước sau hoàn toàn do Thánh ý, phàm phu không biết được. Sau khi Phật diệt độ rồi người nào muốn tu quán hạnh, pháp sở dùng phải dựa vào bốn Y. Đại sư giải thích đề. Trong quán của năng quán đã luận về ba quán. Đề mục là chung, văn kinh là riêng, há chẳng lấy chung mà xuyên suốt riêng, hướng chi nói quán Phật thì mười sáu thứ đã bao gồm đủ. Nay y vào Thiên thai tu tập giáo quán chẳng dựa vào trí giả thì nhờ ai khác. Như Bát Chu ba quán Diệu môn, Phổ Hiền lục căn hồi pháp, đều là ở trong định mà thấy bậc

Thánh giảng nói. Đại sư dạy người dự tập tinh thực nơi vào đạo tràng. Sao chẳng nghi, sao riêng trách đây. Lại cùng Tông này hoặc văn, hoặc tư không lia ba quán, phải trong động tịnh mà dùng Không, Giả, Trung lập mà tất cả hạnh. Nếu đúng thế sao nay chẳng dùng tâm Không, Giả, Trung mà tưởng các tướng mặt trời, băng, đất, cây v.v... ? Như tâm tưởng mặt trời, do sức nào mà mặt trời hiện tiền. Kinh Bát Chu chép: “Ta nhớ niệm liền thấy. Tâm thành Phật, tâm tự thấy tâm. Tâm là tâm chẳng biết. Tâm có tướng thì si, tâm không tướng thì nê hoàn. Kinh ấy nói kể sơ tâm lấy tướng Phật làm cảnh, cho nên nói tâm thành Phật v.v... Nay kể Sơ tâm trước đã quán mặt trời há chẳng nói được là tâm làm mặt trời. Tâm tự thấy tâm... ư?” Chỉ quán lấy văn kinh này mà nêu Trung quán. Nếu lập Trung quán thì ba quán tự thành. Như quán mặt trời này với y Số này mà tu quán mặt trời, hướng là tất cả pháp đều là Phật pháp, sao được y báo không phải Phật pháp? Tướng ấy trở đi là nêu pháp quán. Tỳ Khoa phân kinh tức là quán tượng Phật, chính là nói quán tượng, đã là đủ tượng ba hiệu thì lý hợp với tượng chiếu Không, Giả, Trung. Như ở cõi này có tượng bằng gỗ đất còn phải đạt thể tánh hư không, ba thân rõ ràng, bốn đức không giảm. Tượng báu trong quán há chẳng phải thế. Nếu tượng quán mà không đạt ba đế, thì kể quán chân Phật quyết thấy ba Thân. Thấy tượng v.v... trở đi là do tượng mà thấy cõi nước. Quán tượng đó thành thì tâm nhãn mở sáng, rộng thấy y báo đất cây các tướng. Nên biết cây này hơn cây trước vô số bội phần. Vì sa? vì nay tượng báu sẽ xứng với tòa hoa, mà tòa tượng cao to thì cây cũng phải nhiều lớn. Đều do Diệu quán chuyển sâu, cho nên khiến chỗ quán càng hơn. Thấy đây trở đi, là quán hai Bồ-tát. Thánh đã bày hóa thì động tịnh sẽ đủ. Một chúa hai tôi chẳng đồng chẳng khác, biểu thị cho ba pháp, chân thân đã thế thì tượng cũng giống như thế. Quán hai Phật đủ thì khiến diệu quán thành ba. Tướng này v.v... trở đi, là Tượng phát ra ánh sáng, có hai: Một là nói ánh sáng chiếu các cây; hai, mỗi mỗi v.v... trở đi là nói dưới cây đều có ba tượng. Tướng này trở đi là người tu v.v... nghe Pháp, có hai: Một là nói nhân định mà nghe; hai, người tu trở đi là nói hợp với kinh. Văn này số có hai giải thích: Một là định sử hợp với Giáo; hai, phải tán hợp với định. Nghĩa đầu là nói khi xuất định thì nhớ mãi pháp được nghe trong định và pháp này phải khế hợp với kinh, cho nên nói tương ứng với giáo pháp. Ý thứ hai là nói tâm tuy xuất định mà đối với năm trần kia phải dứt yêu ghét, tịnh hết thân miệng, nếu ba nghiệp được như thế thì tuy chẳng trụ định mà cũng nghe tiếng Pháp. Cho nên nói xuất định nhập định đều nghe Diệu pháp. Nói

hợp với mười hai bộ kinh giáo, là dùng mười hai bộ gọi chung Tu-đa-la, đồng tên là kinh. Ba tạng chia ra thì kinh là Định học, Luật là Giới học, Luận là Tuệ học. Cho nên gọi kinh là định hợp với Tu-đa-la là hợp với định. Nếu chẳng hợp với Kinh thì gọi là vọng tưởng. Hoặc định chẳng hợp kinh, hoặc tán chẳng hợp định đều là phát ở việc ma, toàn không phải tượng quán Thiền định, cho nên gọi là vọng tưởng. Nếu đã hợp thì gọi là thô tưởng thấy cõi Cực lạc nghĩa là dùng kinh mà nghiệm định không sai, xuất định cùng trụ định giống nhau thì được gọi là tưởng thô thấy cõi ấy.

Hỏi: Thấy Sự diệu này sao gọi là tưởng thô?

Đáp: Lấy tượng so chân thì phải phân biệt thô diệu. Tưởng này chính là quán Phật phương tiện, há có thể nói đồng quán chân Phật ư? Thực hành quán trở đi, là nói tu quán lợi ích. Nếu Tưởng tượng thành thì chân quán có thể được, cho nên ở hiện thân mà được tam-muội niệm Phật.

